

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2016

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 3
	Ngày: 28/3/16

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định định mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng
4 năm 2015 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn
định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ
khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 181/TTr-STC ngày
08 tháng 3 năm 2016 về việc xin ban hành Quy định định mức chi đối với đề tài,
dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh
An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức chi đối với
đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn
tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký,
thay thế Quyết định số 47/2007/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Ủy
ban nhân dân tỉnh An Giang về quy định định mức chi đối với đề tài, dự án khoa
học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Khoản 2 Điều 10 của

Quyết định 22/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT.TU, TT. HĐND, TT.UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Phòng: KT, TH, NC, PC, HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Việt Hiệp

QUY ĐỊNH

**Định mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Kèm theo Quyết định số 16 /2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở gồm: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ; Mức chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu; Mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu; Mức chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và một số định mức chi khác phục vụ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Cấp tỉnh:

1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;
- Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của tỉnh;
- Có sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

1.2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, bao gồm:

a) Loại A:

- (i) Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- (ii) Đề án khoa học cấp tỉnh;
- (iii) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- (iv) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- (v) Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.

b) Loại B: Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.

2. Cấp cơ sở:

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ sở và do Thủ trưởng cơ sở ký hợp đồng thực hiện, bao gồm:

- a) Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
- b) Dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Chức danh	Hệ số tiền công ngày (Hstcn)		
		Cấp tỉnh		Cấp cơ sở
		Loại A	Loại B	
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,40	0,32	0,24
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,25	0,20	0,15
3	Thành viên	0,15	0,12	0,09
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,13	0,10	0,08

2. Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Mức chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

1. Thuê chuyên gia trong nước:

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước đối với đề tài cấp tỉnh không vượt quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 20% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thuê chuyên gia ngoài nước:

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh loại B mức chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu không vượt quá 80% mức chi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 6. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu

1. Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định hiện hành của tỉnh.

2. Một số định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị Tỉnh	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh		Cấp cơ sở
			Loại A	Loại B	
1	Người chủ trì	buổi hội thảo	750.000	600.000	450.000
2	Thư ký hội thảo	buổi hội thảo	250.000	200.000	150.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	báo cáo	1.000.000	800.000	600.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	báo cáo	500.000	400.000	300.000
5	Thành viên tham gia hội thảo	buổi hội thảo	100.000	80.000	60.000

Điều 7. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Lập mẫu phiếu điều tra		
a	Đến 30 chỉ tiêu	phiếu mẫu được duyệt	750.000
b	Trên 30 chỉ tiêu đến dưới 40 chỉ tiêu	phiếu mẫu được duyệt	1.000.000
c	Trên 40 chỉ tiêu	phiếu mẫu được duyệt	1.500.000
2	Chi công tác phí cho người tham gia điều tra, phúc tra, kiểm tra		Thực hiện theo Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 15/3/2011 của UBND tỉnh
3	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra		
a	Cá nhân		
	- Dưới 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	30.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
	- Trên 30 chỉ tiêu đến dưới 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	40.000
	- Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	50.000
b	Tổ chức		
	- Dưới 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	70.000
	- Trên 30 chỉ tiêu đến dưới 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	85.000
	- Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	100.000
4	Chi xử lý kết quả điều tra	đồng/trường	300
5	Chi viết báo cáo phân tích kết quả điều tra theo chuyên đề	đồng/báo cáo	5.000.000
6	Chi viết báo cáo tổng hợp kết quả điều tra	đồng/báo cáo	7.000.000

Các nội dung chi và mức chi khác liên quan đến điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện bằng 80% mức chi tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

Điều 8. Dự toán chi hợp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)

1. Dự toán chi hợp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quyết định này. Cơ quan có thẩm quyền địa phương, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn định mức cụ thể chi cho việc hợp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh loại B, dự toán chi hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) không vượt quá 80% mức chi quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, dự toán chi hợp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) không vượt quá 60% mức chi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 9. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ

trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh loại B, dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ không vượt quá 80% mức chi quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ không vượt quá 60% mức chi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 10. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

a) Chi tiền công:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	
			Hội đồng cấp tỉnh	Hội đồng cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
	- Chủ tịch hội đồng	hội đồng	500.000	300.000
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	hội đồng	400.000	250.000
	- Thư ký hành chính	hội đồng	150.000	100.000
	- Đại biểu được mời tham dự	hội đồng	100.000	60.000
b	Chi nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	phiếu nhận xét đánh giá	200.000	100.000
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	phiếu nhận xét đánh giá	300.000	150.000
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
	- Chủ tịch hội đồng	hội đồng	750.000	450.000
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	hội đồng	500.000	300.000
	- Thư ký hành chính	hội đồng	150.000	100.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	
			Hội đồng cấp tỉnh	Hội đồng cấp cơ sở
	- Đại biểu được mời tham dự	hội đồng	100.000	60.000
b	Chi nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	300.000	200.000
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	450.000	300.000
3	Chi thẩm định tài chính để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Tổ trưởng tổ thẩm định	nhiệm vụ	400.000	300.000
b	Thành viên tổ thẩm định	nhiệm vụ	300.000	200.000
c	Thư ký hành chính	nhiệm vụ	150.000	100.000
d	Đại biểu được mời tham dự	nhiệm vụ	100.000	60.000
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu			
	- Chủ tịch hội đồng	nhiệm vụ	750.000	450.000
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng	nhiệm vụ	500.000	300.000
	- Thư ký hành chính	nhiệm vụ	150.000	100.000
	- Đại biểu được mời tham dự		100.000	60.000
b	Chi nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	600.000	300.000
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	1.000.000	450.000
5	Chi đề xuất ý tưởng nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh được duyệt	01 ý tưởng	1.000.000	x

b) Các nội dung khi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính bằng 4 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá)

của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu được quy định tại Điểm a Khoản 4 Mục 1 Điều này.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng dự toán kinh phí và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Chủ trì thẩm định kinh phí, ký hợp đồng và cấp kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp.

c) Giám sát, kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan thẩm định dự toán, quyết toán kinh phí, giám sát, kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị và địa phương:

a) Quản lý, sử dụng kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng dự toán phê duyệt.

b) Thực hiện việc báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đúng tiến độ, hợp đồng.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan:

Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đúng theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đã ký, sử dụng kinh phí đúng theo quy định hiện hành.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *Zan*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Hồ Việt Hiệp